

Số: 2027 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Người có công và lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2506/TTr-SLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực Người có công và lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện (*Danh mục TTHC mới ban hành kèm theo*).

Điều 2. Các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng có trách nhiệm:

1. Đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC; hoàn thành việc cấu hình TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Niêm yết, công khai theo quy định TTHC đã được ban hành tại Quyết định này.

3. Triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này đã được UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

4. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC.

Điều 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai TTHC này tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của địa phương.

2. Triển khai thực hiện tiếp nhận và giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến nhiệm vụ của đơn vị trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phổ biến và sao gửi Quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Xây dựng; Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các CQCM thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX và TP Huế;
- TTPVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, SỞ XÂY DỰNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (đồng)	Địa điểm và Cách thức thực hiện TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp tỉnh thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Xây dựng; UBND cấp huyện; UBND cấp xã					
1	Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng ¹	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Trong đó: UBND cấp xã: 02 ngày; UBND cấp huyện: 03 ngày; Sở Thông tin và Truyền thông: 05 ngày; UBND tỉnh: 02 ngày)</i>	Không	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm nộp hồ sơ: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã; - Trung tâm Hành chính công cấp huyện; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh <i>(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)</i> . Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông; - Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Lao động - TB&XH.
2	Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho hộ nghèo có thành viên là	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Trong đó:</i>	Không	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm nộp hồ sơ:	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;

¹ TTHC này được thực hiện Dịch vụ công trực tuyến một phần

	người có công với cách mạng ²	<i>UBND cấp xã: 02 ngày; UBND cấp huyện: 03 ngày; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày; UBND tỉnh: 02 ngày)</i>		- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã; - Trung tâm Hành chính công cấp huyện; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (<i>Số 01 Lê Lai, thành phố Huế</i>). Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Lao động - TB&XH.
3	Xóa nhà tạm cho hộ nghèo ³	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Trong đó: UBND cấp xã: 10 ngày; UBND cấp huyện: 03 ngày; Sở Xây dựng: 05 ngày; UBND tỉnh: 02 ngày</i>)	Không	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm nộp hồ sơ: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã; - Trung tâm Hành chính công cấp huyện; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (<i>Số 01 Lê Lai, thành phố Huế</i>). Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở Xây dựng; - Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Lao động - TB&XH.
II	TTHC cấp huyện thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã					
1	Trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo có	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND	- Cơ quan có thẩm quyền quyết

2 TTHC này được thực hiện Dịch vụ công trực tuyến một phần

3 TTHC này được thực hiện Dịch vụ công trực tuyến một phần

	thành viên là người có công với cách mạng ⁴	hợp lệ (Trong đó: UBND cấp xã: 10 ngày; phòng Lao động - TB&XH: 07 ngày; UBND cấp huyện: 03 ngày)		Địa điểm nộp hồ sơ: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã; - Trung tâm Hành chính công cấp huyện; Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	định: UBND cấp huyện; - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động - TB&XH.
2	Trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo không có khả năng lao động ⁵	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó: UBND cấp xã: 10 ngày; phòng Lao động - TB&XH: 07 ngày; UBND cấp huyện: 03 ngày)	Không	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm nộp hồ sơ: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã; - Trung tâm Hành chính công cấp huyện; Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện; - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động - TB&XH.

4 TTHC này được thực hiện Dịch vụ công trực tuyến toàn trình

5 TTHC này được thực hiện Dịch vụ công trực tuyến toàn trình

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (*thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã*) nơi cư trú;

- Bước 2: Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, xác nhận, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn;

- Bước 3: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông);

- Bước 4: Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong 05 ngày làm việc, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ kinh phí hỗ trợ;

- Bước 5: Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hỗ trợ phương tiện nghe nhìn (*theo mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*);

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Một trong các loại giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

* Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định hỗ trợ phương tiện nghe nhìn, kinh phí hỗ trợ

1.8. Phí, lệ phí: không

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai

- Giấy đề nghị hỗ trợ phương tiện nghe nhìn (*theo mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*)

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng thiếu hụt về phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn phục vụ tiếp cận thông tin

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).....

1. Họ và tên (chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: Dân tộc:

Số CMND/CCCD

Số điện thoại:

Nơi ở hiện nay của hộ:

2. Là hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo Giấy chứng nhận hộ nghèo số do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp ngày.....

3. Hiện đang thiếu hụt về phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin để có điều kiện được tiếp cận thông tin, nâng cao hiểu biết như sau:

Số TT	Loại phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin
1	Ti vi
2	Radio
3	Điện thoại
...

(Khoanh tròn vào phương tiện cần hỗ trợ hoặc ghi rõ phương tiện cần hỗ trợ).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Số

CMND/CCCD:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

....., ngày tháng năm ...

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên

Trưởng hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

2. Thủ tục Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (*thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã*) nơi cư trú;

- Bước 2: Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, xác nhận, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ hệ thống xử lý nước sạch;

- Bước 3: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ hệ thống xử lý nước sạch trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Bước 4: Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ kinh phí hỗ trợ;

- Bước 5: Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt (*theo mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*);

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Một trong các loại giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

* Số lượng: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch, kinh phí hỗ trợ

2.8. Phí, lệ phí: không

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai

- Giấy đề nghị hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt (*theo mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*)

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng thiếu hụt về nguồn nước sinh hoạt, tiếp cận nước sạch

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).....

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: Dân tộc:

Số CMND/CCCD:

Số điện thoại:

Nơi ở hiện nay của hộ:

2. Là hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo Giấy chứng nhận hộ nghèo số do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp ngày.....

3. Hiện đang thiếu hụt về nguồn nước sạch trong sinh hoạt.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quan tâm, hỗ trợ lắp đặt hệ thống nước sạch để gia đình được sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Số
CMND/CCCD:.....
Ngày cấp:
Nơi cấp:
Mối quan hệ với đối tượng:
Địa chỉ:

....., ngày tháng năm ...

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên

*Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ
thông tin người khai thay)*

3. Thủ tục xóa nhà tạm cho hộ nghèo

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (*thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã*) nơi cư trú;

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã phối hợp Tổ trưởng/Trưởng thôn tổ chức họp bình xét hộ nghèo, hộ thoát nghèo được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở tại khu dân cư, thôn/tổ dân phố.

Thành phần: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; đại diện Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã; Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã; Tổ trưởng/Trưởng thôn (chủ trì họp); Bí thư Chi bộ thôn; Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã và đại diện các hộ có tên trong danh sách bình xét và đại diện các hộ gia đình trong thôn/tổ dân phố;

Nội dung: Thông báo công khai đối tượng thuộc diện được hỗ trợ, mức kinh phí hỗ trợ, phần đóng góp của gia đình, dòng họ, phương thức xây dựng, thống nhất danh sách hộ đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà ở;

Việc tổ chức bình xét đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, khách quan, lấy ý kiến thống nhất bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Biên bản họp và danh sách hỗ trợ được lập thành 02 bản (01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện). Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý; Thực hiện niêm yết công khai danh sách hộ được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở tại thôn/tổ dân phố và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương trong thời gian 03 ngày.

Hết thời hạn niêm yết công khai, Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã hoàn thiện, lập danh sách hộ gia đình được hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Bước 3: Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở;

- Bước 4: Trong 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng);

- Bước 5: Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ;

- Bước 6: Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

3.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đối với hộ đăng ký thoát nghèo bền vững

Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở *(theo mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND)*;

Giấy đăng ký thoát nghèo bền vững *(theo mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND)*;

Ảnh toàn cảnh hiện trạng nhà và các hạng mục xuống cấp, hư hỏng;

Giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất ở hợp lệ, hợp pháp không có tranh chấp;

Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Đối với hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động

Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở *(theo mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND)*;

Ảnh toàn cảnh hiện trạng nhà và các hạng mục xuống cấp, hư hỏng;

Giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất ở hợp lệ, hợp pháp không có tranh chấp;

Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

Bản sao Quyết định hưởng trợ giúp xã hội (nếu có);

Bản sao Giấy xác nhận của cơ sở y tế đối với người mất khả năng lao động (nếu có);

* Số lượng: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Hộ nghèo đăng ký thoát nghèo bền vững; hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định hỗ trợ xóa nhà tạm cho hộ nghèo và kinh phí hỗ trợ

3.8. Phí, lệ phí: không

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai

- Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở *(theo mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND)*;

- Giấy đăng ký thoát nghèo bền vững *(theo mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND)*

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Hộ nghèo đăng ký thoát nghèo bền vững, hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động (cho các xã, phường, thị trấn ngoài huyện nghèo A Lưới; ngoài Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; ngoài Chương trình hỗ trợ nhà ở cho đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng) đang có nhu cầu cấp bách về xoá nhà tạm (xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở).

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở

KÊ KHAI CỦA HỘ GIA ĐÌNH

1. Họ và tên (chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: .../ .../ ... Giới tính: Dân tộc:

Số CMND/CCCD:

Số điện thoại:

Nơi ở hiện nay:

2. Số người trong hộ: ... người. Trong đó: Người trong độ tuổi lao động: ... người

3. Hoàn cảnh gia đình (ghi cụ thể có thuộc hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn kinh tế hay không)

.....

.....

4. Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ (ghi cụ thể: tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn...)

.....

.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Số

CMND/CCCD:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên

Trưởng hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

II. Thủ tục hành chính cấp huyện

1. Thủ tục trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (*thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã*) nơi cư trú;

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản ánh, khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung liên quan;

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Thời gian hỗ trợ kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng (*theo mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*);

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Một trong các loại giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

* Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng

1.8. Phí, lệ phí: không

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai

- Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng (*theo mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*)

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và đáp ứng điều kiện hộ không có khả năng lao động.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO CÓ
THÀNH VIÊN LÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

1. Họ và tên (chữ in hoa):.....

Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: Dân tộc:

Số CMND/CCCD:.....

Số điện thoại:.....

Nơi ở hiện nay của hộ:.....

2. Số người trong hộ: người, cụ thể:

a) Họ và tên: Năm sinh:.....

- Có khuyết tật không? Không Có- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? Không Có

- Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng:đồng. Hưởng từ tháng .../.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng.../... ..

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:..... đồng. Hưởng từ tháng/

.....

b) Họ và tên: Năm sinh:.....

- Có khuyết tật không? Không Có- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? Không Có

- Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng:đồng. Hưởng từ tháng .../.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng.../... ..

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:..... đồng. Hưởng từ tháng/

.....

3. Hộ có thuộc diện hộ nghèo không? Không Có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Số CMND/CCCD:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

....., ngày tháng năm ...

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên.

*Trường hợp khai thay phải ghi đầy
đủ thông tin người khai thay)*

2. Thủ tục trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo không có khả năng lao động

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (*thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã*) nơi cư trú;

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản ánh, khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung liên quan;

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Thời gian hỗ trợ kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo không có khả năng lao động (*theo mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*);

- Bản sao Quyết định hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng của thành viên đang hưởng chính sách theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Bản sao Giấy xác nhận của cơ sở y tế đối với người mất khả năng lao động (nếu đối tượng trong độ tuổi lao động);

- Hồ sơ bệnh án điều trị bệnh, tật (nếu có) chứng minh hộ có thành viên đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

* Số lượng: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Hộ nghèo không có khả năng lao động

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng

2.8. Phí, lệ phí: không

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai

- Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo không có khả năng lao động (*theo mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*);

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Hộ nghèo không có khả năng lao động và đáp ứng 02 (hai) điều kiện sau: (1) Hộ có thành viên đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; (2) Hộ có thành viên đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025.

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO
KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG**

1. Họ và tên chủ hộ (chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: Dân tộc:

Số CMND/CCCD

Số điện thoại:

Nơi ở hiện nay của hộ:

2. Số người trong hộ: người, cụ thể:

a) Họ và tên: Năm sinh:

- Có khuyết tật không? Không Có- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? Không Có

- Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng .../.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/.....

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng .../....

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng .../.....

.....

b) Họ và tên: Năm sinh:

- Có khuyết tật không? Không Có- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? Không Có

- Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng .../.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/.....

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: ... đồng. Hưởng từ tháng .../....

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng .../.....

.....

3. Hộ có thuộc diện hộ nghèo không? Không Có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Số

CMND/CCCD:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

....., ngày ... tháng... năm ...

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên

Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)